

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HC-ST
Ngày: 31-12-2021
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mười

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Minh

2. Ông Phạm Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 18/2021/TLST-HC ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HC ngày 14/10/2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Châu Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm A, thôn Y, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Châu Thị L: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1987 (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2021). Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 52V, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S.

Địa chỉ: Số 395Đ, thị trấn O, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện S.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H.

Địa chỉ: Xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Đỗ Thái D, sinh năm 1979. Có mặt.

3.3. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1959. Có mặt.

3.4. Bà Trịnh Thị Hồng C, sinh năm 1983. Có mặt.

3.5. Ông Trương Quang T, sinh năm 1963.

Người đại diện theo pháp luật của ông Trương Quang T: Bà Châu Thị L, sinh năm 1962 (là vợ của ông T). Có mặt.

3.6. Bà Trương Thị Minh T, sinh năm 1991. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm A, thôn Y, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3.7. Bà Trương Thị Dạ Th, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 27/13 P6, phường P, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.8. Ông Trương Quang T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 383/3/37KT, Phường 10, quận V, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.9. Bà Trương Thị Ngọc Tr, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 06 B, thị trấn O, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2021, bản tự khai của bà Châu Thị L và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Thị T là người đại diện theo ủy quyền của bà Châu Thị L trình bày:*

Vào đầu năm 1981, vợ chồng bà Châu Thị L về sinh sống và xây dựng căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 70, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.000m² (Bản đồ chỉnh lý 299/TTg lập năm 1999). Theo Bản đồ địa chính năm 2003 thì thửa đất số 70, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.000m² biến động thành thửa đất số 880, tờ bản đồ số 17, xã H, huyện S có diện tích 573m². Năm 2019, thửa đất số 880 nêu trên biến động thành 02 thửa gồm: thửa đất số 1577, diện tích 204m² và thửa đất số 1516, diện tích 253m², cùng tờ bản đồ số 03 xã H, loại đất ở tại nông thôn.

Ngày 26/8/2019, bà Châu Thị L có đơn tranh chấp đất đai với ông Đỗ Thái D. Trên cơ sở Báo cáo số 55/BC-TNMT ngày 11/5/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S và ý kiến thống nhất của Hội đồng tư vấn xử lý hành chính huyện S tại cuộc họp ngày 20/3/2020, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D với nội dung: Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Châu Thị L đối với thửa đất số 1577, tờ bản đồ số 03 xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 204m², loại đất: Đất ở

tại nông thôn (ONT) và công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Thái D đối với thửa đất số 1516, tờ bản đồ số 03 xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 253m² loại đất: Đất ở tại nông thôn (ONT).

Ngày 10/6/2020, bà Châu Thị L có Đơn khiếu nại Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S nêu trên đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 01/12/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D với nội dung: Bác đơn đề ngày 10/6/2020 của bà Châu Thị L khiếu nại Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D; công nhận Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D là đúng pháp luật.

Bà Châu Thị L là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 573m² hiện đang tranh chấp với ông Đỗ Thái D thuộc thửa đất số 880, tờ bản đồ số 17, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1981 đến nay (nay thuộc thửa đất số 1577 và thửa đất số 1516, tờ bản đồ số 03, xã H) nhưng Chủ tịch UBND huyện S và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi lại công nhận diện tích đất 253m² thuộc thửa đất số 1516, tờ bản đồ số 03 thuộc quyền sử dụng của ông Đỗ Thái D nên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L được pháp luật bảo vệ. Do đó, bà Châu Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D, cùng thường trú ở thôn Y, xã H, huyện S.

- Hủy Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D (cùng thường trú tại thôn Y, xã H, huyện Bình Sơn).

** Tại Văn bản số 1389/UBND ngày 27/5/2021, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện S trình bày:*

Vị trí tranh chấp: Thửa đất số 1516, tờ bản đồ số 03, diện tích 253m² và thửa đất số 1577, diện tích 204m², tờ bản đồ số 03 (bản đồ dự án), tổng diện tích đất đang tranh chấp là 457m², loại đất: Đất ở tại nông thôn (ONT). Các thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tên trong sổ ruộng đất (sổ 5b) của xã H đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện S xác nhận tại Công văn số 30/CNHBS ngày 11/02/2020.

Hiện trạng vị trí đang tranh chấp:

Trên thửa đất số 1577, diện tích 204m², tờ bản đồ số 03 (bản đồ dự án) có một ngôi nhà cấp 4 do bà Châu Thị L xây dựng và một số cây chuối; Trên thửa đất số 1516, tờ bản đồ số 03, diện tích 253m² là đất trống. Quá trình sử dụng đất, ông Đỗ Thái D có đổ khoảng 80m³ đất vào tháng 4, tháng 5 năm 2019.

Về ranh giới thửa đất: Vị trí tranh chấp quyền sử dụng đất có giới cận như sau: Đông giáp đất ông Nguyễn Trung L và ông H; Tây giáp Quốc lộ 1; Nam giáp đất của ông Nguyễn Trung L; Bắc giáp đất của ông Đỗ Thái D.

Ranh giới tứ phía của 02 thửa đất có ranh giới rõ ràng (tường xây gạch).

Quá trình sử dụng:

Nguyên thửa đất đang có tranh chấp là của ông Đỗ Thành C, bà Võ Thị X sử dụng từ trước năm 1975. Sau khi ông C, bà X chết thì ông Đỗ Thành K (cha của ông D) sử dụng. Năm 1980, ông K đi vượt biên, bị bắt ở tù, nên vợ là bà Phạm Thị L và con trai là ông Đỗ Thái D về quê ngoại ở xã d sinh sống; lúc này ngôi nhà thờ trên đất không có ai trông nom, hương khói. Khoảng thời gian từ năm 1982-1984, vợ chồng bà Châu Thị L đến thửa đất trên làm tạm ngôi nhà (bên cạnh ngôi nhà thờ) bằng vách đất, mái lợp dừa để sinh sống và lo hương khói cho ông bà. Năm 1985, ông K quay về địa phương, có thấy ngôi nhà của vợ chồng bà L nhưng không có ý kiến gì và cùng với vợ con tiếp tục quản lý, sử dụng, sinh sống trong ngôi nhà thờ; còn vợ chồng bà L vẫn sinh sống tại ngôi nhà lá dừa trên đất. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất, ông K có tên kê khai sử dụng đất trong Sổ mục kê ruộng đất lập tại xã H năm 1986. Đến năm 1987, ông K chết, vợ con của ông về lại xã D sinh sống và có đi về thửa đất để lo hương khói, giỗ chạp cho ông bà; còn vợ chồng bà L vẫn sinh sống trong ngôi nhà lá dừa tại thửa đất trên, sau đó nhà tạm bị sập nên vợ chồng bà L chuyển vào sống trong nhà thờ của ông C, bà X để lại. Khoảng năm 1995, ông Đỗ Thái D cùng mẹ là bà Phạm Thị L chuyển về lại ở trong nhà thờ nêu trên và có thống nhất cho vợ chồng bà Châu Thị L làm một ngôi nhà trên một phần thửa đất (hiện trạng nhà hiện nay vẫn còn ở). Ngoài phần diện tích bà Châu Thị L có nhà ở đang tranh chấp hiện nay (thuộc thửa đất số 1577, diện tích 204m², tờ bản đồ số 03, bản đồ đo phục vụ dự án mở rộng quốc lộ 1A, đoạn qua huyện S), phần đất trống phía Nam (thửa số 1516, diện tích 253m², tờ bản đồ số 03, bản đồ đo phục vụ dự án mở rộng quốc lộ 1A, đoạn qua huyện S) qua xác minh thì từ khoảng năm 1995 đến nay ông Đỗ Thái D, bà Phạm Thị L là người sử dụng trông cây mải cho đến nay.

Về hồ sơ địa chính:

Kiểm tra hồ sơ địa chính:

Bản đồ 299/TTg lập ngày 22/3/1989, thể hiện: Thửa đất số 70, diện tích 1.220m², loại đất T, tờ bản đồ số 10, xã H; Theo Sổ mục kê ruộng đất lập ngày 05/5/1986 (mẫu số 6) thể hiện thửa đất số 70, diện tích 1.220m², loại đất T, tờ bản đồ số 10, xã H do ông Đỗ Thành K đứng tên chủ sử dụng đất.

Bản đồ chỉnh lý 299/TTg lập năm 1999, thể hiện: Thửa đất số 70, diện tích 1.000m², loại đất T, tờ bản đồ số 10, xã H; Theo sổ mục kê đất xã H lập ngày 10/12/2003 thể hiện thửa đất số 70, diện tích 1.000m², loại đất T, tờ bản đồ số 10, xã H do ông Đỗ Thái D đứng tên chủ sử dụng đất (*diện tích thửa đất giảm 220m² so với bản đồ 299/TTg lập năm 1989, nguyên nhân là do ông Đỗ Thái D đã chuyển nhượng cho ông Phạm Hữu H, ở thành phố Q vào năm 1995*).

Bản đồ năm 2003, thửa đất trên tách thành 03 thửa gồm: Thửa đất số 879, diện tích 440m² và một phần thửa đất số 880, diện tích 573m²; một phần thửa đất số 903, diện tích 1.056m², tờ bản đồ số 17, xã H; Theo bảng thống kê diện tích loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng tờ bản đồ số 17, xã H, thể hiện: Thửa đất số 879, diện tích 440m² do ông Đỗ Thái D đứng tên chủ sử dụng đất; thửa đất số 880, diện tích 573m², tờ bản đồ số 17, xã H: Chưa kê khai tên chủ sử dụng đất; Thửa đất số 930, diện tích 1.056m² do ông Nguyễn Trung L đứng tên chủ sử dụng đất.

Kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Thửa đất số 70, diện tích 1.000m², loại đất T, tờ bản đồ số 10, xã H được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành L 485538, số vào sổ số 00461 QSDĐ/668/QĐ-UB(H) cấp ngày 25/12/1997.

Ngày 09/01/2019 Chánh Thanh tra huyện S có Kết luận số 23/KL-TTH về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đỗ Thái D, xã H là không đúng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Theo đó, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đỗ Thái D, ở xã H, huyện S.

Kiểm tra hồ sơ bồi thường dự án Quốc lộ 1:

Vị trí bà Châu Thị L tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Đỗ Thái D tại thửa đất số 1577, diện tích 204m² và thửa đất số 1516, diện tích 253m², tờ bản đồ số 3, xã H đã được UBND huyện S ban hành quyết định thu hồi đất tại Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 về thu hồi một phần diện tích thửa đất số 1516, tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 24/9/2019), diện tích thu hồi 131m², loại đất: Đất ở tại nông thôn (ONT) của ông Đỗ Thái D, hiện bà Châu Thị L đang tranh chấp quyền sử dụng đất và Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 về thu hồi một phần diện tích thửa đất số 1577, tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 24/9/2019), diện tích thu hồi 72m², loại đất Đất ở tại nông thôn (ONT) của bà Châu Thị L, hiện nay ông Đỗ Thái D đang tranh chấp quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết tranh chấp:

Ngày 20/5/2019 bà Châu Thị L có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất ở (ONT) với ông Đỗ Thái D, theo đó UBND xã H đã tổ chức 02 lần hòa giải vào ngày 14/6/2019 và ngày 03/7/2019 kết quả hòa giải bất thành, sau hòa giải UBND xã H có Báo cáo số 151/BC-UBND ngày 15/7/2019 về việc kết quả giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D, tại thôn Y, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Bà Châu Thị L tiếp tục có đơn đề ngày 26/8/2019 gửi UBND huyện S. UBND huyện đã thụ lý giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm tra, xác minh; theo đó ngày 18/02/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với UBND xã H mời bà Châu Thị L và ông Đỗ Thái D để hoà giải và giải thích cơ chế chính sách

pháp luật về đất đai và đề xuất phương án hòa giải. Tuy nhiên tại buổi hoà giải bà Châu Thị L, ông Đỗ Thái D không thống nhất hòa giải và đề nghị giải quyết theo quy định, do đó buổi hoà giải không thành.

Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 *“Về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D...”* với nội dung: Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Châu Thị L đối với thửa đất số 1577, tờ bản đồ 03, diện tích 204m², loại đất ở tại nông thôn; Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Thái D đối với thửa đất số 1516, tờ bản đồ 03, diện tích 253m², loại đất ở tại nông thôn.

Như vậy, bà Châu Thị L yêu cầu công nhận 02 thửa đất số 1577, diện tích 204m², tờ bản đồ số 03 (bản đồ dự án) và thửa đất số 1516, tờ bản đồ số 3, diện tích 253m² là không có cơ sở. Vì hiện nay bà Châu Thị L không có giấy tờ gì chứng minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng, trong khi qua làm việc với UBND xã H, một số hộ dân và khu dân cư đều xác nhận ông Đỗ Thái D là người trực tiếp sử dụng đất ổn định, liên tục thửa đất số 1516, diện tích 253m², thuộc tờ bản đồ số 03 (Bản đồ dự án). Do đó, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D, thường trú ở thôn Y, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

Từ thực tế diễn biến nêu trên, Chủ tịch UBND huyện S nhận thấy việc bà Châu Thị L yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S là không có cơ sở.

** Tại Văn bản số 2145/UBND-NC ngày 18/5/2021, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:*

Nguyên thửa đất số 880, diện tích 573m², tờ bản đồ số 17, xã H (Bản đồ năm 2003) đang có tranh chấp là của ông Đỗ Thành C, bà Võ Thị X sử dụng từ trước năm 1975. Sau khi ông C, bà X chết thì ông Đỗ Thành K (cha của ông D) sử dụng. Đến năm 1981, bà Châu Thị L đến ở tại nhà của ông C, bà X đã làm trên thửa đất số 880. Khoảng năm 1984, vợ chồng bà L có làm một ngôi nhà tạm vách đất, lợp lá dừa ở vị trí khác trên cùng thửa đất số 880, diện tích 573m², tờ bản đồ số 17, xã H (Bản đồ năm 2003) để ở. Đến năm 1987, do nhà tạm bị sập nên vợ chồng bà L chuyển vào sống trong nhà thờ của ông C, bà X để lại. Khoảng năm 1995, ông Đỗ Thái D cùng mẹ là bà Phạm Thị L chuyển về ở trong nhà thờ nêu trên và có thống nhất cho vợ chồng bà Châu Thị L làm một ngôi nhà trên một phần thửa đất (hiện trạng nhà hiện nay vẫn còn ở). Ngoài phần diện tích bà Châu Thị L có nhà ở đang tranh chấp hiện nay (thuộc thửa đất số 1577, diện tích 204m², tờ bản đồ số 03, bản đồ đo phục vụ dự án mở rộng quốc lộ 1A, đoạn qua huyện S), phần đất trống phía Nam (thửa số 1516, diện tích 253m², tờ bản đồ số 03, bản đồ đo phục vụ dự án mở rộng quốc lộ 1A, đoạn qua huyện S) qua xác minh thì từ khoảng năm 1995 đến nay ông Đỗ Thái D, bà Phạm Thị L là người sử dụng trồng cây.

Ngày 20/5/2019, bà Châu Thị L có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Đỗ Thái D gửi UBND xã H, UBND xã đã mời hai bên đến hòa giải nhưng không thành. Bà Châu Thị L tiếp tục có đơn đề ngày 26/8/2019 gửi UBND huyện S. Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 “*về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D*” với nội dung: Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Châu Thị L đối với thửa đất số 1577, tờ bản đồ số 03, diện tích 204m², loại đất ở tại nông thôn; Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Thái D đối với thửa đất số 1516, tờ bản đồ 03, diện tích 253m², loại đất ở tại nông thôn.

Về hồ sơ địa chính:

Qua kiểm tra Bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, thì diện tích đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 70, diện tích 1.220m², loại đất T, tờ bản đồ số 10, xã H. Kiểm tra Sổ mục kê ruộng đất lập năm 1986 thể hiện thửa đất này do ông Đỗ Thành K đứng tên chủ sử dụng (kể cả khi chỉnh lý vào năm 1999).

Theo Bản đồ đo vẽ năm 2003, diện tích đất đang có tranh chấp thuộc thửa đất số 880, diện tích 573m², tờ bản đồ số 17, xã H (phần đất nhà thờ trước đây và hiện tại ông D đang sử dụng được tách ra thành thửa 879, diện tích 440m²). Tại bảng thống kê loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng sử dụng, thửa đất nêu trên chưa kê khai tên chủ sử dụng. Thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A, thì thửa đất số 880 được đo vẽ 02 thửa: thửa 1577, diện tích 204m² (có nhà ở của bà Châu Thị L) và thửa 1516, diện tích 253m², thuộc tờ bản đồ số 03 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 24/9/2019).

Khi thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua huyện S, UBND huyện S đã ban hành quyết định thu hồi diện tích 131m² thuộc một phần thửa đất số 1516, tờ bản đồ 03, diện tích 253m² (hiện nay Chủ tịch UBND huyện S công nhận cho ông Đỗ Thái D); thu hồi diện tích 72m² thuộc một phần thửa đất số 1577, bản đồ 03, diện tích 204m² (hiện nay Chủ tịch UBND huyện S công nhận cho bà Châu Thị L) và bồi thường hỗ trợ cho ông Đỗ Thái D, bà Châu Thị L đối với diện tích đất phải thu hồi để thực hiện dự án. Lúc bấy giờ, bà L và ông D đều không có khiếu nại đối với các quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ của UBND S.

Cơ sở Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết bác đơn bà Châu Thị L tại Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 nêu trên:

Bà Châu Thị L yêu cầu công nhận toàn bộ thửa đất số 880, diện tích 573m², tờ bản đồ số 17, xã H (Bản đồ năm 2003) là không có cơ sở. Vì hiện nay bà L không có giấy tờ gì chứng minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng, trong khi qua làm việc với UBND xã H và một số hộ dân đều xác nhận ông Đỗ Thái D là người sử dụng thửa đất số 1516, diện tích 253m², thuộc tờ bản đồ số 03 (Bản đồ dự án).

Bà Châu Thị L cho rằng đã ở trên phần đất đang có tranh chấp từ năm 1981, làm nhà ở từ năm 1990. Qua xác minh thì từ năm 1981, gia đình bà L có về ở trong nhà trước đây do ông, bà ngoại chồng xây dựng nhưng việc này chỉ là tạm thời, hơn nữa có sự thống nhất của ông K, bà L nên đây không xem là thời điểm bắt đầu sử dụng đất tranh chấp. Mặt khác, việc bà cho rằng xây dựng nhà ở (hiện gia đình bà đang sử dụng) từ năm 1990 là không chính xác vì qua xác minh thì sau thời điểm thực hiện chia đất theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993, bà mới xây dựng nhà. Hiện trạng sử dụng đất của gia đình bà L đã được UBND huyện S giải quyết công nhận, hiện nay phía gia đình ông Đỗ Thái D không khiếu nại Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S nên về thời điểm xây dựng nhà của bà Châu Thị L chỉ có tính chất xác định thời điểm để công nhận quyền sử dụng đất.

Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D, thường trú ở thôn Y, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là có cơ sở.

Từ thực tế diễn biến nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi nhận thấy việc bà Châu Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết: Hủy Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S; hủy Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại Văn bản số 1689/UBND ngày 28/12/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H trình bày:*

UBND xã H thống nhất với kết quả giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D theo Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

** Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 26/4/2021, Bản trình bày ý kiến ngày 22/11/2021, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thái D, bà Phạm Thị L và bà Trịnh Thị Hồng C trình bày:*

Thửa đất gia đình ông Đỗ Thái D đang sử dụng có nguồn gốc là đất ông bà để lại, năm 1986 nhà nước đo, lập hồ sơ địa chính thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.220m², loại đất T do ông Đỗ Thành K (là cha của ông Đỗ Thái D, chồng bà Phạm Thị L) đứng tên trong Sổ mục kê đất.

Năm 1987 ông K chết, bà L, ông D vẫn sinh sống trong ngôi nhà trên thửa đất này và sản xuất trồng trọt hoa màu, cây cối trong diện tích vườn nhà. Năm 1997 nhà nước thực hiện đo vẽ chính lý hiện trạng đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đỗ Thái D đã làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 10 và được cấp quyền sử dụng đất số L485538 do UBND huyện S cấp ngày 25/12/1997, diện tích đất 1.000m²; trong đó 200m² đất thổ cư, 800m² đất vườn thừa.

Năm 1989 do đời sống khó khăn, bà L và ông D về sống tạm bên ngoài đến năm 1995, hai mẹ con về lại ngôi nhà của mình để sử dụng và có cho vợ chồng ông T và bà L một phần đất trong thửa đất vườn của gia đình để làm nhà ở (hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng).

Việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước về đất và nhà ở, đất vườn thừa từ năm 1997 đến năm 2018 hộ gia đình đã thực hiện đầy đủ kể cả đất nhà ở của ông T và bà L, có xác nhận mã số đăng ký nộp thuế và hoàn thành nghĩa vụ thuế.

Một phần đất ở phía Nam nhà ở của bà L, hộ ông D vẫn sử dụng liên tục, năm 2004 bà L có bán cây bạch đàn cho ông Đinh Văn N, năm 2008 ông D bán keo cho bà Lê Thị N, năm 2012 ông D bán keo cho ông Nguyễn KL cùng ở thôn Y, xã H, có giấy xác nhận của người mua. Đến năm 2017, thực hiện dự án mở rộng quốc lộ 1A, bà L đòi dự án bồi thường phần đất phía Nam nhà ở của bà (hiện ông D đang sử dụng ổn định từ trước đến nay) nên xảy ra tranh chấp. Năm 2019 vợ chồng ông D, bà C có đồ đất trên thửa 1516 để san lấp mặt bằng cho thuê.

Vị trí đất tranh chấp thuộc thửa 1516, tờ bản đồ số 03, bản đồ dự án mở rộng quốc lộ 1A, diện tích 253m², dự án thu hồi 131m², việc tranh chấp quyền sử dụng đất này được UBND xã H xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng, đã tiến hành hòa giải nhưng bà L không đồng thuận và cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào về việc thửa đất 1516 thuộc quyền sử dụng của bà. Bà L đã gửi đơn yêu cầu lên cấp trên, được Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện S xác minh và UBND huyện S ban hành Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020. Bà L tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi có Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 bác đơn khiếu nại.

Việc bà Châu Thị L thực hiện khiếu nại và khởi kiện hành chính về việc đòi quyền sử dụng đất tại thửa số 1516, tờ bản đồ số 03 là không có căn cứ, không có cơ sở pháp lý, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Châu Thị L, công nhận quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông, bà.

** Tại các Đơn tự khai ngày 06/12/2021, ngày 07/12/2021, ngày 08/12/2021 của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Dạ T, Trương Thị Minh T, Trương Thị Ngọc T, ông Trương Quang T và tại phiên tòa bà Trương Thị Ngọc T trình bày:*

Các ông bà là con của ông Trương Quang T và bà Châu Thị L, đều sinh ra và lớn lên tại ngôi nhà cấp 4 của gia đình được xây dựng trên thửa đất số 880, tờ bản đồ số 17 (lập năm 2003), diện tích 573m². Trong quá trình giải quyết tranh chấp, thửa đất số 880 được chia thành 02 thửa là 1577 và 1516 cùng tờ bản đồ số 03; thửa 1577 tồn tại ngôi nhà cấp 4 gia đình đã và đang sinh sống; thửa 1516 ông Trương Quang T và bà Châu Thị L sử dụng trồng cây (bạch đàn, chuối, mít, keo, che trại nhốt gà, chác củi...). Từ nhỏ đến lớn, các ông bà chưa thấy bà L, ông D, bà C đến trồng cây hay có bất kỳ hành động nào thể hiện việc quản lý, sử dụng thửa đất 1516 này, giữa 2 thửa đất

không có bờ tường hay ranh giới gì, từ trước đến nay cũng không tranh chấp với ai. Năm 2019 lợi dụng lúc bà L bị tai nạn phải vào Thành phố Hồ Chí Minh chữa trị, anh chị em đi làm xa, ông T bị tâm thần nên vợ chồng ông D đã chặt phá toàn bộ cây trồng, đổ đất san lấp mặt bằng thửa đất 1516 nhằm phá hiện trạng sử dụng của gia đình các ông bà; gia đình nhiều lần báo chính quyền địa phương nhưng không giải quyết. Các ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; riêng người bị kiện chưa chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính vì vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại và tại phiên tòa.

Về nội dung: Bà Châu Thị L yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích thửa đất 880, diện tích 573m² tờ bản đồ số 17, xã H (bản đồ năm 2003) cho bà là không có cơ sở. Vì hiện nay, bà L không có giấy tờ chứng minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng, trong khi theo xác nhận của một số hộ dân xã H thì ông Đỗ Thái D là người sử dụng thửa đất 1516, diện tích 253m², tờ bản đồ số 3 (bản đồ dự án). Theo Bản đồ 299/TTg lập ngày 22/3/1989 thể hiện: Thửa đất số 70, diện tích 1.220m², loại đất T, tờ bản đồ số 10, xã H. Theo Sổ mục kê ruộng đất lập năm 1986 thể hiện thửa đất này do ông Đỗ Thành K đứng tên chủ sử dụng. Mặt khác, khi thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua huyện S; UBND huyện S thu hồi diện tích 131m² thuộc một phần thửa đất 1516, tờ bản đồ số 3; thu hồi diện tích 72m² thuộc một phần thửa đất 1577, tờ bản đồ số 3 và bồi thường, hỗ trợ cho ông Đỗ Thái D, bà Châu Thị L nhưng cả hai người đều không khiếu nại đối với các quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện S.

Do đó, Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D là có cơ sở; Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi bác khiếu nại của bà Châu Thị L, giữ nguyên Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S là đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo trình bày của bà Châu Thị L, chồng bà là ông Trương Quang T bị bệnh trầm cảm nhưng không có giấy tờ điều trị của cơ sở y tế. Mặc dù đã được Tòa án giải thích nhưng bà không đồng ý việc yêu cầu Tòa án tuyên bố chồng bà là người mất năng lực hành vi dân sự. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 54 Luật Tổ tụng Hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xác định bà Châu Thị L là người đại diện theo pháp luật của ông Trương Quang T.

[1.2] Tại phiên tòa, người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện S và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã H, ông Trương Quang T, bà Trương Thị Dạ T, bà Trương Thị Minh T đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 157 và Điều 158 của Luật Tổ tụng Hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 19/01/2021, bà Châu Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D, cùng thường trú ở thôn Y, xã H, huyện S (sau đây viết tắt là Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020); Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D, cùng thường trú tại thôn Y, xã H, huyện S (sau đây viết tắt là Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 01/12/2020). Hai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1 Điều 115, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S:

Ngày 20/5/2019, bà Châu Thị L có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình bà với gia đình ông Đỗ Thái D gửi đến UBND xã H. Sau khi thụ lý, thẩm tra và xác minh đơn của bà Châu Thị L; UBND xã H đã tiến hành hòa giải tranh chấp vào các ngày 14/6/2019, 03/7/2019 và 21/8/2019 nhưng không thành (Bút lục 117-119).

Sau khi UBND xã H hòa giải không thành, ngày 26/8/2019, bà Châu Thị L có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai gửi đến UBND huyện S. Sau khi thụ lý đơn tranh chấp đất đai và thẩm tra, xác minh; ngày 18/02/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S tổ chức hòa giải giữa bà L và ông D nhưng không thành. Ngày 14/5/2020, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 992/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D.

Do các đương sự không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai nên Chủ tịch UBND huyện S giải quyết tranh chấp đất đai là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 61, Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

[2.2] Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi:

Không đồng ý với Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S; ngày 12/6/2020 bà Châu Thị L có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 15/7/2020, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi có Quyết định số 1033/QĐ-UBND thụ lý đơn tranh chấp đất đai và giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi thẩm tra, xác minh, ngày 23/10/2020, Tổ xác minh tiến hành hòa giải nhưng không thành. Ngày 01/12/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D. Theo quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 61, Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; việc Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền.

[2.2] Xét nội dung các quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất:

[2.2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Châu Thị L, ông Đỗ Thái D và các đương sự đều thống nhất kết quả giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện S và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công nhận quyền sử dụng thửa đất số 1577, diện tích 204m², tờ bản đồ số 03 xã H (bản đồ dự án), loại đất ONT cho bà Châu Thị L. Bà Châu Thị L chỉ không đồng ý việc Chủ tịch UBND huyện S và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi công nhận quyền sử dụng thửa đất số 1516, tờ bản đồ số 03, xã H, diện tích 253m², loại đất ONT cho ông Đỗ Thái D, mà phải công nhận cho bà.

Bà Châu Thị L, ông Đỗ Thái D đều thống nhất về diện tích của 02 thửa đất số 1577, 1516 theo các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và không yêu cầu đo đạc; chỉ yêu cầu xem xét hiện trạng của 02 thửa đất.

[2.2.2] Về nguồn gốc đất:

Nguyên thửa đất số 880, diện tích 573m^2 , tờ bản đồ số 17, xã H (Bản đồ năm 2003) có nguồn gốc của ông Đỗ Thành C, bà Võ Thị X sử dụng từ trước năm 1975. Theo bản đồ dự án được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 24/9/2019, thửa đất 880 được đo vẽ thành thửa đất số 1577, diện tích 204m^2 và thửa đất số 1516, diện tích 253m^2 , cùng tờ bản đồ số 03 xã H.

Theo Bản đồ lập ngày 22/3/1989 theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, thì diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 70, diện tích 1.220m^2 , loại đất T, tờ bản đồ số 10, xã H; theo Sổ mục kê ruộng đất lập năm 1986 thể hiện thửa đất này do ông Đỗ Thành K đứng tên chủ sử dụng đất (Bút lục 143, 145).

Theo Bản đồ chỉnh lý 299/TTg lập tháng 5/1999; thửa đất số 70, diện tích 1.000m^2 , loại đất T, tờ bản đồ số 10, xã H; theo Sổ mục kê đất xã H lập ngày 10/12/2003 do ông Đỗ Thái D đứng tên chủ sử dụng đất (Bút lục 144, 147).

Theo Bản đồ đo vẽ năm 2003, diện tích đất đang có tranh chấp thuộc thửa đất số 880, diện tích 573m^2 , tờ bản đồ số 17, xã H. Tại bảng thống kê loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng sử dụng, thửa đất nêu trên chưa kê khai tên chủ sử dụng. Thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A, thì thửa đất số 880 được đo vẽ thành 02 thửa: thửa 1577, diện tích 204m^2 (có nhà ở của bà Châu Thị L) và thửa 1516, diện tích 253m^2 , thuộc tờ bản đồ số 03 (bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 24/9/2019).

Khi thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua huyện S, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 thu hồi 131m^2 thuộc một phần thửa đất số 1516, tờ bản đồ số 3, xã H của ông Đỗ Thái D (hiện bà Châu Thị L đang tranh chấp quyền sử dụng đất) và Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 thu hồi 72m^2 thuộc một phần thửa đất số 1577, tờ bản đồ số 3, xã H của bà Châu Thị L (hiện nay ông Đỗ Thái D đang tranh chấp quyền sử dụng đất). Bà Châu Thị L, ông Đỗ Thái D đều thống nhất với quyết định thu hồi, bồi thường và không có thắc mắc, khiếu nại gì.

[2.2.3] Quá trình quản lý, sử dụng đất:

Sau khi ông Đỗ Thành C, bà Võ Thị X chết thì ông Đỗ Thành K (cha của ông Đỗ Thái D) là người sử dụng thửa đất số 880, diện tích 573m^2 , tờ bản đồ số 17, xã H. Đến năm 1981, bà Châu Thị L đến ở tại nhà của ông C, bà X đã làm trên thửa đất số 880. Khoảng năm 1984, vợ chồng bà L có làm một ngôi nhà tạm vách đất, lợp lá dừa ở vị trí khác trên cùng thửa đất số 880, diện tích 573m^2 , tờ bản đồ số 17, xã H (Bản đồ năm 2003) để ở. Đến năm 1987, do nhà tạm bị sập nên vợ chồng bà L chuyển vào sống trong nhà thờ của ông C, bà X để lại. Khoảng năm 1995, ông Đỗ Thái D cùng mẹ là bà Phạm Thị L chuyển về ở trong nhà thờ nêu trên và có thống nhất cho vợ chồng bà Châu Thị L làm một ngôi nhà trên một phần thửa đất 880; nay là thửa đất số 1577, diện tích 204m^2 , tờ bản đồ số 03 (hiện ông Trương Quang T đang ở). Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện S và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết công nhận quyền sử dụng đất cho bà Châu Thị L đối với thửa đất số 1577, diện tích 204m^2 , tờ bản đồ số 03 xã H là có căn cứ.

Đối với thửa đất số 1516, diện tích 253m², tờ bản đồ số 03 (nằm ở phía Nam thửa đất 1577); theo kết quả xác minh thì ông Đỗ Thái D là người sử dụng từ khoảng năm 1995 đến nay, cụ thể: Theo ông Nguyễn Tấn H, ông Đinh Văn N trình bày trong quá trình làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện S, thửa đất phía Nam thửa đất của bà L là do ông Đỗ Thái D sử dụng trồng cây keo, bạch đàn. Ông Đỗ Thái D sử dụng từ trước mãi đến nay (Bút lục 152, 153); ông Đinh Văn N xác nhận ông có mua cây do ông Đỗ Thái D, bà Phạm Thị L bán (Bút lục 270). Trình bày của ông Nguyễn Tấn H, ông Đinh Văn N phù hợp với xác nhận của bà Lê Thị N, ông Nguyễn KL về việc có mua cây keo do ông Đỗ Thái D bán (Bút lục 268, 269); phù hợp với ý kiến của ông Nguyễn Hà T (nguyên Chủ tịch UBND xã h - Bí thư Chi bộ thôn y) trong quá trình làm việc với Tổ xác minh của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi (Bút lục 214). Mặt khác, theo Giấy xác nhận của ông Nguyễn Trung L ngày 01/11/2021 thì năm 2006 giữa ông Nguyễn Trung L và bà Phạm Thị L đã xảy ra tranh chấp ranh giới đất.

Bà Châu Thị L cho rằng bà là người sử dụng thửa đất số 1516, diện tích 253m², tờ bản đồ số 03 nhưng bà L không có giấy tờ gì chứng minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất. Tại Đơn xin xác nhận sự việc của bà Châu Thị L ngày 15/3/2020, các ông Lý Thái B, Võ Đăng K, Nguyễn Văn Q chỉ xác nhận về việc mua cây, trồng cây, không thể hiện nội dung bà L là người sử dụng thửa đất 1516. Theo Giấy xác nhận ngày 22/12/2021 của ông Nguyễn Trung L, ông chỉ xác nhận ông là người sử dụng đất liền kề với bà Châu Thị L nhưng không ghi rõ là liền kề thửa đất nào, bởi lẽ cả hai thửa đất số 1577 và 1516 đều có ranh giới phía đông liền kề với thửa đất của ông Nguyễn Trung L.

[2.2.4] Căn cứ vào hồ sơ địa chính và quá trình quản lý, sử dụng đất; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Thái D đối với thửa đất số 1516, diện tích 253m², tờ bản đồ số 03, xã H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Châu Thị L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm ngàn đồng). Bà Châu Thị L đã nộp chi phí xong.

[6] Về án phí: Bà Châu Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ xong theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006763 ngày 06/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 101, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 61, Điều 88, Điều 89, Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị L về việc yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D, cùng thường trú ở thôn Y, xã H, huyện S.

- Hủy Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Châu Thị L với ông Đỗ Thái D (cùng thường trú tại thôn Y, xã H, huyện S).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Châu Thị L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm ngàn đồng). Bà Châu Thị L đã nộp chi phí xong.

3. Về án phí: Bà Châu Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ xong theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006763 ngày 06/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mười